

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Chỉ số VN-Index giảm điểm trước lực bán gia tăng vào cuối phiên

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm, trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở trước lo ngại về sự phục hồi của nền kinh tế

[Thông tin doanh nghiệp]

GAS, VCB

[Cập nhật công ty]

VNM

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và có thể linh hoạt trải lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi chỉ số quay xuống các vùng hỗ trợ đã đề cập

20/09/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,350.48	-0.16
VN30	1,458.66	+0.21
HĐTL VN30F1M	1,452.00	-0.33
HNXIndex	358.87	+0.25
HNX30	582.64	-0.41
UPCoM	97.45	+0.05
USD/VND	22,773	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.09	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+11
Dầu (WTI, \$)	70.60	-1.90
Vàng (LME, \$)	1,758.57	+0.24



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,350.48 (-0.16%)
KLGD (triệu CP) 894.6 (+15.6%)
GTGD (triệu US\$) 1,077.3 (-5.5%)

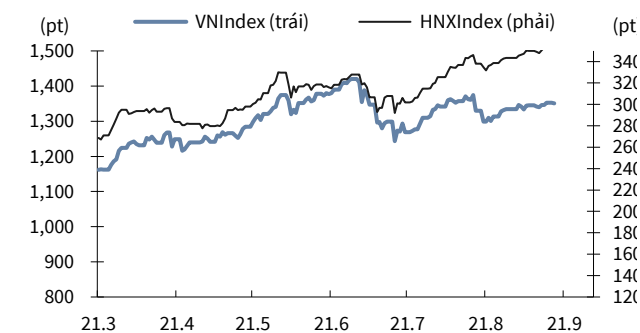
HNXIndex 358.87(+0.25%)
KLGD (triệu CP) 199.0 (+9.6%)
GTGD (triệu US\$) 161.0 (-7.7%)

UPCoM 97.45 (+0.05%)
KLGD (triệu CP) 145.8 (-16.1%)
GTGD (triệu US\$) 112.1 (+14.9%)

Chỉ số VN-Index giảm điểm trước lực bán gia tăng vào cuối phiên. Lo ngại về cuộc khủng hoảng nợ tại Evergrande - tập đoàn bất động sản thuộc hàng lớn nhất Trung Quốc khiến cổ phiếu bất động sản giảm điểm ở DIG (-6%), VHM (-1.6%). Cổ phiếu cảng biển như SGP (-3.3%), TCL (-0.8%) phản ứng tiêu cực trước thông tin Sở Giao thông vận tải TP HCM cho biết đang xây dựng kế hoạch, lùi thời gian thu phí hạ tầng cảng biển đến tháng 4 hoặc tháng 5/2022. Cổ phiếu Vietcombank VCB (+2.5%) tăng giá sau khi Thủ tướng phê duyệt phương án đầu tư bổ sung hơn 7,600 tỷ đồng vốn Nhà nước tại Vietcombank để duy trì tỷ lệ sở hữu của Nhà nước, kéo theo sự tăng giá ở các cổ phiếu cùng ngành như TCB (+1.9%), MBB (+1.4%). Khối ngoại quay trở lại mua ròng ở VCB (+2.5%), VNM (+2.5%), MBB (+1.4%).

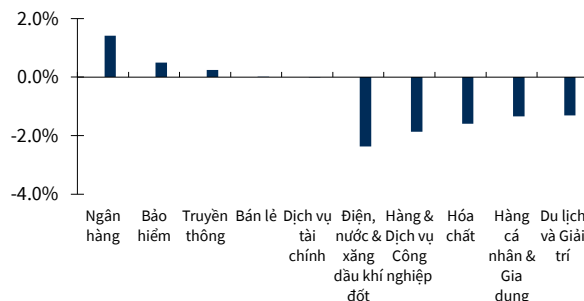
ĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.3

VNIndex & HNXIndex



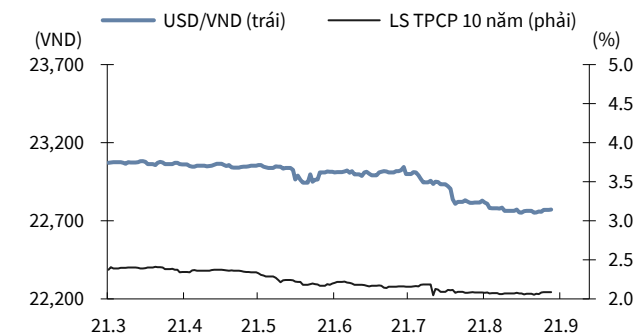
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

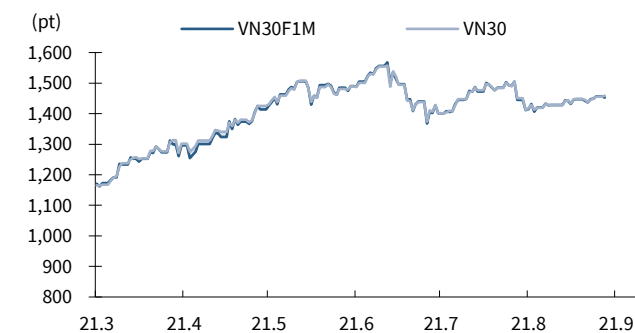
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,458.66 (+0.21%)
VN30F1M	1,452.0 (-0.33%)
Mở cửa	1,460.0
Cao nhất	1,467.0
Thấp nhất	1,452.0

HĐTL giảm điểm, trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở trước lo ngại về sự phục hồi của nền kinh tế. Chênh lệch F2110 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 4.21 điểm, sau đó đảo chiều và biến động với biên độ âm trong khoảng 0 đến -9.09 điểm và đóng cửa ở mức -6.66 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

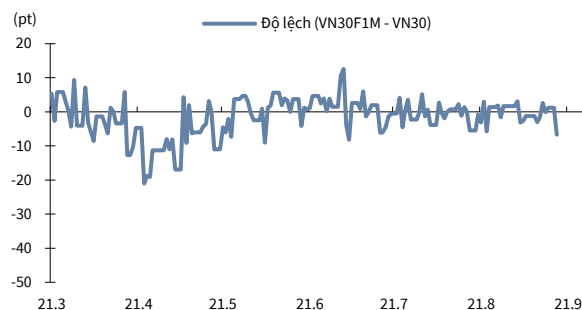
KLGD (HĐ) **144,888 (+7.1%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



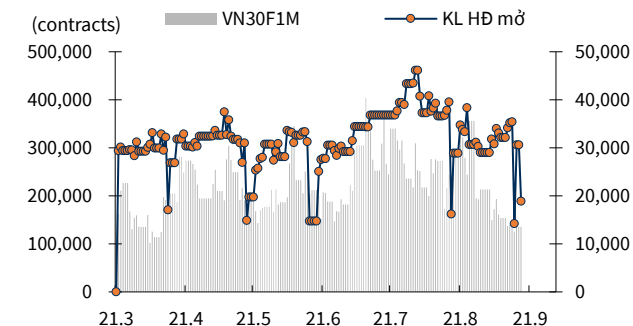
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



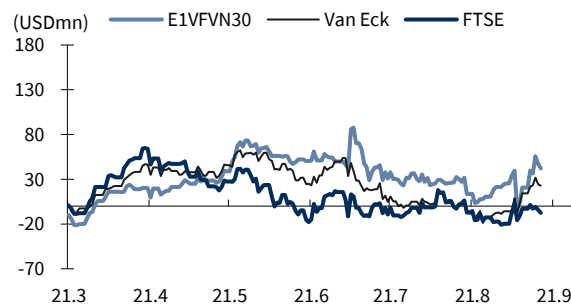
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

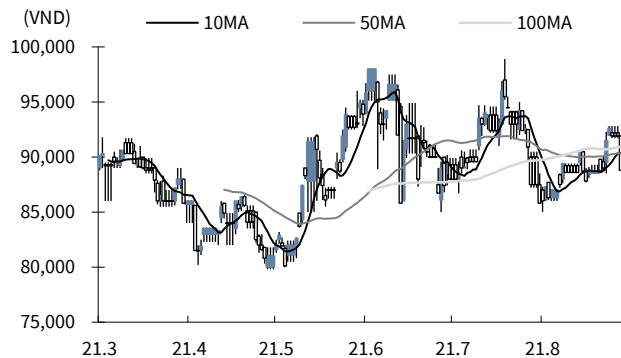
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

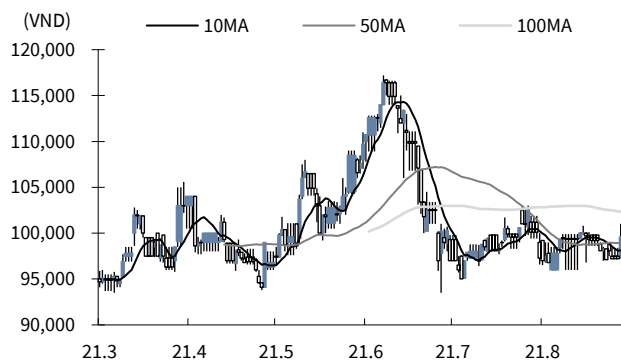
Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (GAS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GAS giảm 3.4% xuống 88,800 VND/cp
- PV Gas thông báo lợi nhuận sau thuế 8 tháng ước đạt trên 5,700 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch và tổng doanh thu gần 52,000 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch 8 tháng nhờ giá dầu và giá LPG thị trường tăng cao so với kế hoạch. Bên cạnh đó, PV Gas đã thực hiện tiết giảm chi phí trên 325 tỷ đồng..

Vietcombank (VCB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB tăng 2.5% lên 99,600 VND/cp
- Thủ tướng vừa phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn Nhà nước tại Vietcombank. Theo đó, ngân hàng sẽ được bổ sung hơn 7,600 tỷ đồng theo tờ trình của Ngân hàng Nhà nước để duy trì tỷ lệ sở hữu của Nhà nước. Vốn bổ sung được lấy từ nguồn cổ tức cho cổ đông Nhà nước.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)

Định giá hiện tại ở mức hấp dẫn với triển vọng dài hạn tích cực.

Chuyên viên phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ
Lương Ngọc Tuấn Dũng
dunglnt@kbsec.com.vn

20/09/2021

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần lũy kế 6T/2021 giảm YoY.

Biên lợi nhuận gộp bị ảnh hưởng bởi giá nguyên liệu đầu vào.

Định giá hiện tại ở mức hấp dẫn. Hồi phục, tăng trưởng phụ thuộc lớn vào tình hình dịch bệnh.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 102,200 VND/cp.

Lũy kế 6T/2021, doanh thu thuần đạt 28,906 tỷ VNĐ (giảm 2.5% YoY) – đạt 46.6% kế hoạch năm. LNST hợp nhất đạt 5,459 tỷ VNĐ (giảm 6.8% YoY) – đạt 48.6% kế hoạch năm.

Trong Q2/2021, BLNG hợp nhất ở mức 43.6%, đi ngang so với Q1/2021 tuy nhiên, lũy kế 6T/2021 giảm 2.8 điểm % YoY nguyên nhân đến từ giá nguyên liệu đầu vào (sữa bột nguyên kem) tăng mạnh từ tháng 3/2021 (tăng 20% so với bình quân năm 2020).

Hiện tại cổ phiếu VNM đang được giao dịch với mức P/E khoảng 18x lần, thấp hơn mức 22x lần trung bình giai đoạn 5 năm gần đây. Làn sóng Covid – 19 lần thứ 4 đi kèm với giãn cách xã hội tại các thành phố lớn đã ảnh hưởng tới sức mua của người tiêu dùng trong Q2/2021.

Chúng tôi dự báo trong năm 2021, cả doanh thu và LNST của VNM sẽ không có mức tăng trưởng đột phá. Cụ thể, doanh thu ở mức 60,012 tỷ VNĐ (tăng 0.6% YoY) và LNST đạt 10,838 tỷ VNĐ (giảm 3.5% YoY). DTT và LNST dự báo cho năm 2022 lần lượt là 62,509 tỷ VNĐ (tăng 4.16% YoY) và 11,779 tỷ VNĐ (tăng 9.9% YoY). Dựa vào triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA với cổ phiếu VNM, mức giá mục tiêu 102,200 VND/cp, cao hơn 18% mức giá đóng cửa ngày 17/09/2021.

MUA

Giá mục tiêu 102,200 VND

Tăng/giảm (%)	18%
Giá hiện tại (17/09/2021)	86,500
Giá mục tiêu đồng thuận	108,756
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VNĐ/ triệu USD)	181,408/7,971

Dự phóng KQKD & định giá

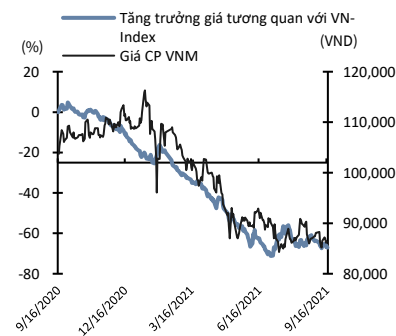
FY – end	2019A	2020A	2021E	2022E
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	56,318	59,636	60,012	62,509
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	12,797	13,539	12,888	14,175
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	10,554	11,236	10,838	11,916
EPS (nghìn VNĐ)	5,478	4,770	4,599	5,062
Tăng trưởng EPS (%)	3%	-13%	-3%	10%
P/E (x)	21	22	18	17
P/B (x)	6.8	6.8	5.1	4.6
ROE (%)	38%	38%	34%	34%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	5.21%	4.75%	4%	4%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	34%
GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	312/13.6
Sở hữu nước ngoài	26.74%
Cổ đông lớn	SCIC (36%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
VNM	-3.1%	-4.9%	-13.9%	-16.6%
VNINDEX	-0.8%	-0.5%	14%	51.3%

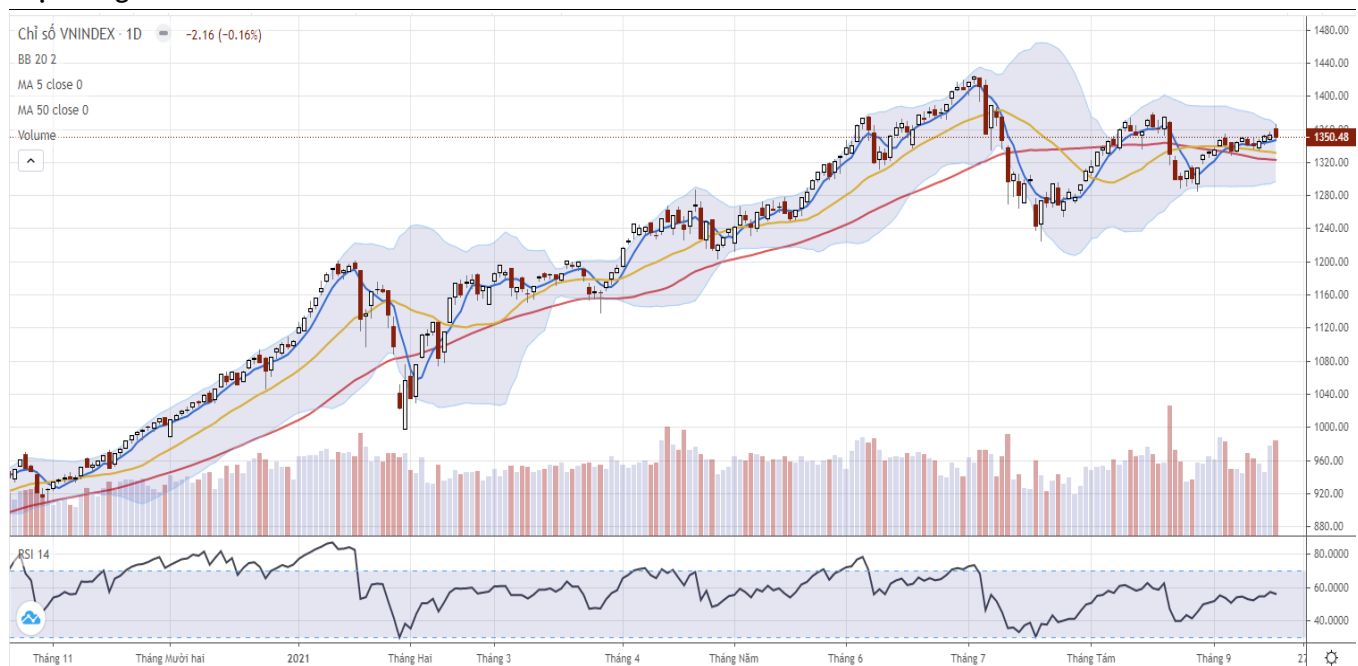


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong phiên trước khi vấp phải lực bán mạnh và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Áp lực từ vùng cản gần quanh 1360 (+5) tiếp tục gây sức ép lên đà tăng điểm của VNIndex và phiên phân phối hôm nay cho thấy rủi ro điều chỉnh thêm vẫn còn hiện hữu. Mặc dù vậy, cơ hội duy trì xu hướng tăng điểm vẫn được bảo lưu với 2 vùng hỗ trợ đáng lưu ý, gần là quanh 1340 và sâu hơn là 1320.
- NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và có thể linh hoạt trải lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi chỉ số quay xuống các vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1465 - 1469

Kháng cự gần: 1458 - 1461

Hỗ trợ gần: 1442 - 1445

Hỗ trợ xa: 1433 - 1438

- F1 tăng điểm giảm co trong phiên trước khi vấp phải lực bán mạnh và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Áp lực từ vùng cản gần 146x tiếp tục gây sức ép lên đà tăng điểm của chỉ số sau khi F1 thử thách lại cạnh trên của mẫu hình tam giác cân, để ngỏ khả năng một lần nữa thoái lui. Cơ hội duy trì xu hướng tăng điểm vẫn được bảo lưu với 2 vùng hỗ trợ đáng lưu ý, gần là quanh 1440 và sâu hơn là 1420.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục giao dịch linh hoạt 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở lại một phần vị thế LONG khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

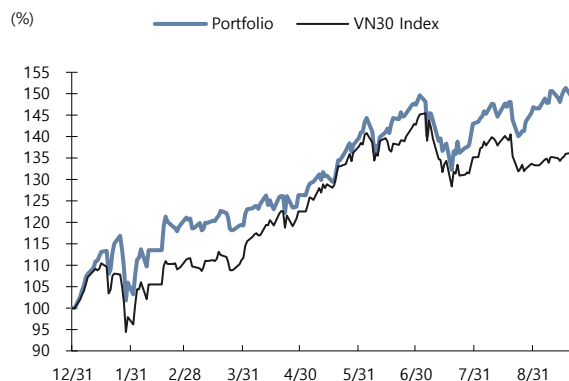
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.21%	-1.34%
Tăng lũy kế (YTD)	36.23%	49.32%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	123,000	0.0%	59.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	42,450	-2.7%	73.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	91,000	-1.6%	18.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,250	1.4%	124.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	65,600	-1.9%	92.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	94,400	-1.4%	224.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,850	0.2%	68.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	88,800	-3.4%	21.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	51,300	-1.0%	254.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	41,000	-3.0%	199.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	2.5%	23.5%	111.2
VNM	2.5%	54.5%	94.0
MBB	1.4%	22.7%	71.2
STB	1.1%	15.8%	66.0
VCI	0.9%	20.1%	62.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-0.1%	16.2%	-163.5
NVL	-0.2%	9.2%	-43.9
HSG	-4.3%	12.0%	-36.7
DGC	4.0%	8.8%	-26.4
NKG	-3.4%	13.7%	-20.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-1.1%	3.9%	12.3
DL1	9.7%	1.5%	6.4
KLF	4.6%	0.7%	4.3
PVC	-3.6%	0.5%	2.7
DST	9.8%	0.6%	2.3
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-1.1%	3.9%	0.6
DL1	9.7%	1.5%	1.7
KLF	4.6%	0.7%	0.0
PVC	-3.6%	0.5%	1.4
DST	9.8%	0.6%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	3.1%	FPT, CMG
Thực phẩm và đồ uống	3.0%	MSN, VNM
Xây dựng và Vật Liệu	2.4%	TGG, TCD
Ngân hàng	2.2%	VPB, TCB
Tài nguyên Cơ bản	1.7%	HPG, NKG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-2.5%	VJC, HVN
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.8%	APH, LGC
Bất động sản	-1.7%	VIC, VHM
Bán lẻ	-0.6%	MWG, PET
Y tế	0.0%	DBD, DCL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	18.1%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	12.0%	HVN, VJC
Hóa chất	10.0%	GVR, DGC
Tài nguyên Cơ bản	9.8%	HPG, HSG
Xây dựng và Vật Liệu	9.3%	PC1, HT1
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-1.6%	VIC, VHM
Dịch vụ tài chính	0.9%	FIT, HCM
Truyền thông	1.9%	YEG, PNC
Ngân hàng	3.0%	CTG, HDB
Y tế	4.5%	DBD, DCL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	259,506 (11.4)	22.5	88.7	50.1	14.7	6.0	8.0	3.7	3.3	-0.1	-5.8	-	-9.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	1,241,981 (54.5)	26.6	10.4	9.4	35.9	32.1	26.9	2.7	2.1	-1.6	-2.9	-3.9	16.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	137,638 (6.0)	17.8	26.5	18.4	-7.6	6.8	10.4	2.2	2.2	0.3	5.0	8.3	-6.7
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	248,563 (10.9)	31.3	35.5	19.0	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	-0.2	0.0	-0.7	114.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	113,076 (5.0)	11.6	25.2	18.5	18.0	12.3	14.4	2.9	2.5	0.5	2.3	7.1	58.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	96,454 (4.2)	13.9	10.9	8.1	-	16.3	18.5	1.6	1.3	-0.3	0.0	0.4	38.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	102,257 (4.5)	6.3	18.8	14.7	11.7	19.7	20.1	3.2	2.6	2.5	1.5	-0.5	1.7
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	63,106 (2.8)	12.7	17.3	12.2	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.8	-0.3	1.9	-1.5	-16.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	519,887 (22.8)	0.0	10.6	8.8	14.3	20.4	20.2	2.0	1.6	1.9	3.6	0.4	61.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	374,831 (16.5)	1.4	11.1	8.4	61.1	18.3	20.5	1.4	1.2	0.2	0.0	-2.6	19.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	427,418 (18.8)	0.0	13.1	11.1	18.8	22.9	16.6	2.0	1.7	0.7	4.2	8.0	107.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	388,930 (17.1)	0.0	8.8	6.8	14.6	22.1	22.3	1.6	1.7	1.4	1.3	-5.5	67.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	65,967 (2.9)	4.2	8.5	8.2	23.3	22.2	21.5	1.7	-	1.0	2.0	-6.9	35.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	373,339 (16.4)	14.0	18.6	13.7	26.5	10.3	12.6	-	-	1.1	0.7	-4.2	60.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	219,954 (9.7)	0.0	9.0	7.6	37.5	23.2	21.5	1.8	1.5	-1.7	5.2	14.6	49.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	11,616 (0.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-2.7	-0.8	1.6	31.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	57,714 (2.5)	21.0	24.2	21.9	15.8	8.2	8.6	1.9	1.8	0.6	-1.3	0.9	-18.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	26,920 (1.2)	14.2	15.3	15.8	9.1	12.0	12.0	1.7	1.6	0.0	10.3	7.6	44.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	694,769 (30.5)	55.4	16.4	14.7	-3.2	17.3	17.7	-	-	-0.5	-1.8	3.7	95.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	341,771 (15.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.9	0.8	3.2	120.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	296,839 (13.0)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	0.7	1.5	-5.1	72.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	501,501 (22.0)	27.2	11.7	19.9	36.3	-	-	3.9	3.6	-1.3	-0.9	1.1	185.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	273,271 (12.0)	42.1	18.6	17.3	4.0	32.7	33.9	5.7	5.5	2.5	1.7	1.0	-18.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	37,636 (1.7)	36.9	21.6	18.2	7.3	23.0	24.2	4.4	3.9	-1.7	-2.0	10.7	-18.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	232,427 (10.2)	16.5	50.7	28.8	-51.9	17.5	22.8	8.6	6.7	-2.1	9.5	6.9	60.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	45,245 (2.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.9	13.8	12.2	-44.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	133,010 (5.8)	11.0	-	34.8	-88.5	0.4	16.2	-	-	-0.6	-3.0	3.7	-0.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	207,620 (9.1)	10.8	29.7	20.0	-57.0	9.3	13.1	2.5	2.3	-3.2	-2.1	7.5	56.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	62,272 (2.7)	38.4	23.1	12.4	65.7	4.7	7.5	-	-	-2.0	-0.8	-0.8	-18.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	50,409 (2.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.5	5.5	8.1	111.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	239,107 (10.5)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	-2.0	-1.6	0.0	33.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	27,221 (1.2)	3.6	103.4	26.8	-52.4	0.6	2.3	0.6	0.6	-1.2	-1.7	1.0	-13.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	80,048 (3.5)	0.0	12.4	10.3	-4.5	13.2	14.1	1.5	1.5	-1.9	1.7	7.0	34.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	73,095 (3.2)	46.1	19.4	15.6	-17.5	18.1	20.5	3.4	3.1	-3.4	0.2	1.5	2.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,249 (0.9)	31.4	18.6	12.0	-10.5	8.2	13.2	1.6	1.7	-2.8	-4.0	5.9	-16.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	13,342 (0.6)	34.1	18.8	11.2	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.5	0.6	-0.2	5.9	-1.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,280,341 (56.2)	18.0	7.2	6.9	21.9	41.5	30.7	2.4	1.8	-1.0	1.0	4.7	67.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	217,687 (9.6)	36.5	11.6	17.9	-0.5	15.4	9.5	1.6	1.5	-0.6	-0.3	-1.8	88.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	121,239 (5.3)	46.5	18.7	19.8	-4.5	11.7	10.5	-	-	-1.2	-1.4	4.7	76.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	583,257 (25.6)	38.9	5.3	7.3	67.9	47.9	25.6	2.1	1.6	-4.3	2.7	16.1	123.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	106,682 (4.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.1	0.9	2.4	23.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	52,054 (2.3)	4.6	17.0	14.9	-51.0	16.0	16.1	-	-	-1.4	-0.6	0.8	-8.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	121,666 (5.3)	39.9	238.9	32.8	-11.9	0.2	2.2	0.6	0.6	0.2	11.2	11.5	25.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	168,156 (7.4)	35.9	10.7	10.0	1.2	14.9	14.8	1.5	1.4	-2.8	-1.0	12.9	72.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	142,953 (6.3)	0.0	18.0	14.1	13.7	24.3	26.8	4.0	3.5	0.0	-1.6	12.5	55.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	63,878 (2.8)	0.0	19.3	15.3	2.4	20.2	23.4	3.5	3.0	-1.6	-1.1	-0.5	12.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,757 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.3	2.3	5.0	-66.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	103,462 (4.5)	30.3	37.1	23.1	-75.2	8.0	12.1	2.9	2.7	-4.3	3.0	12.6	40.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,445 (1.8)	34.6	16.7	9.3	41.2	15.4	27.4	2.1	2.2	-2.2	-4.5	2.5	-16.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,504 (0.3)	45.4	17.9	16.9	10.7	20.3	20.3	3.5	3.1	-1.2	-0.2	5.6	-2.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	151 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	1.3	0.0	5.9
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	194,266 (8.5)	0.0	20.8	17.8	15.5	24.0	25.1	4.5	4.1	-1.4	1.5	1.7	83.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.